

DỰ KIẾN PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY NĂM 2026

I. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

- Tất cả thí sinh tính tới thời điểm xác định trúng tuyển đã tốt nghiệp THPT, đáp ứng các điều kiện trong Thông tin tuyển sinh năm 2026 của Học viện.
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành, không vi phạm pháp luật.

II. PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH

Học viện Ngoại giao xét tuyển vào hệ đại học chính quy năm 2026 theo 04 phương thức xét tuyển:

- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Phương thức 2: Xét tuyển kết hợp dựa trên Kết quả học tập THPT và Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế đối với các thí sinh học chương trình THPT của Việt Nam.
- Phương thức 3: Xét tuyển kết hợp dựa trên Chứng chỉ đánh giá năng lực quốc tế SAT/ACT/A-level/Bằng IB Diploma và Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế.
- Phương thức 4: Xét tuyển dựa trên Kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026.

Cụ thể như sau:

1. Phương thức 1: Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (mã phương thức 301)

1.1. Đối tượng xét tuyển thẳng

a. Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc được tuyển thẳng vào các ngành, chương trình đào tạo do Học viện quy định.

b. Thí sinh đoạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế do Bộ GD&ĐT tổ chức, cử tham gia các môn thuộc tổ hợp của phương thức dựa trên Kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT của Học viện (Toán, Vật Lí, Hóa học, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Trung, Tiếng Nhật, Tiếng Hàn) và môn Tin học, thời gian đoạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng được xét tuyển thẳng vào các ngành theo nguyện vọng đăng ký.

c. Căn cứ kết quả học tập cấp THPT của thí sinh và yêu cầu của ngành đào tạo, Học viện xem xét, quyết định nhận vào học một trong những trường hợp dưới đây (trường hợp cần thiết kèm theo điều kiện thí sinh phải học 01 năm bổ sung kiến thức trước khi vào học chính thức):

(i) Thí sinh là người nước ngoài đã đạt chuẩn năng lực ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình đào tạo phù hợp với quy định của Bộ GDĐT (trình độ tiếng Việt tương đương B2 (bậc 4/6) trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt quy định tại Thông tư số 17/2015/TT-BGDĐT ngày 01/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài).

(ii) Thí sinh là người Việt Nam học tập cấp THPT ở nước ngoài đạt trình độ tương đương với trình độ THPT của Việt Nam, đáp ứng các điều kiện sau:

- Đạt chuẩn năng lực ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình đào tạo phù hợp với quy định của Bộ GDĐT (trình độ tiếng Việt tương đương B2 (bậc 4/6) trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt quy định tại Thông tư số 17/2015/TT-BGDĐT ngày 01/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài);

- Đạt yêu cầu về ngoại ngữ của Học viện, cụ thể: **Tiếng Anh:** IELTS Academic từ 7.0 trở lên, hoặc TOEFL iBT từ 94 trở lên, hoặc các Chứng chỉ Cambridge English Qualifications từ 185 điểm trở lên, hoặc PTE-A từ 66 điểm trở lên, hoặc SAT từ 1360 điểm trở lên, hoặc ACT từ 30 điểm trở lên; **Tiếng Pháp:** từ DELF-B2 trở lên hoặc TCF tout public (5 bài thi: nghe hiểu, cấu trúc ngữ pháp, đọc hiểu, viết, nói) xếp loại chung từ B2 trở lên; **Tiếng Trung Quốc:** từ HSK 5 (mức điểm từ 180) trở lên; **Tiếng Hàn Quốc:** từ Topik 4 trở lên; **Tiếng Nhật Bản:** từ JLPT N2 (mức điểm dưới 130) trở lên. Nếu thí sinh có các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế không được liệt kê, Hội đồng tuyển sinh sẽ xem xét và quyết định;

- Có kết quả học tập cấp THPT đạt tương đương mức Tốt của chương trình THPT của Việt Nam trở lên.

(iii) Thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ, có kết quả học tập 06 kỳ bậc THPT đạt mức Tốt hoặc điểm trung bình chung kết quả học tập 06 kỳ lớp 10, 11, 12 đạt 8.0 trở lên.

(iv) Thí sinh là người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định; có khả năng theo học một số chương trình đào tạo của Học viện nhưng không có khả năng dự tuyển theo phương thức tuyển sinh bình thường. Thí sinh cần có kết quả học tập 06 kỳ bậc THPT đạt mức Tốt hoặc điểm trung bình chung kết quả học tập 06 kỳ lớp 10, 11, 12 đạt 8.0 trở lên.

1.2. Đối tượng ưu tiên xét tuyển

a. Thí sinh tại **khoản b mục 1.1** đoạt giải các môn không thuộc tổ hợp của phương thức dựa trên Kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT của Học viện, thời gian đoạt giải không quá

03 năm tính tới thời điểm xét tuyển, được ưu tiên xét tuyển vào các ngành theo nguyện vọng. Thí sinh cần đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Học viện quy định.

b. Thí sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba kỳ thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GD&ĐT tổ chức, cử tham gia, thời gian đạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm xét tuyển, được Hội đồng tuyển sinh xem xét đánh giá và ưu tiên xét tuyển vào các ngành phù hợp với nội dung đề tài dự thi. Thí sinh cần đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Học viện quy định.

2. Phương thức 2: Xét tuyển kết hợp dựa trên Kết quả học tập THPT và Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế đối với các thí sinh học chương trình THPT của Việt Nam (mã phương thức 410)

2.1. Đối tượng xét tuyển: Ngoài các điều kiện chung theo quy định, thí sinh cần đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

- Có điểm trung bình chung kết quả học tập của 06 học kỳ (tất cả các môn học) lớp 10, 11, 12 đạt từ mức Tốt trở lên;

- Có tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT năm 2026 theo tổ hợp xét tuyển của Học viện (bao gồm cả điểm ưu tiên khu vực và đối tượng) đạt từ 22.0 điểm trở lên (ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của Học viện có thể điều chỉnh dựa trên thực tế phổ điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026). Đối với các thí sinh tốt nghiệp trước năm 2026 thì điểm này được tính theo điểm thi của năm thí sinh dự thi tốt nghiệp;

- Có điểm trung bình chung học tập 06 học kỳ lớp 10, 11, 12 của 02 môn dùng để xét tuyển (không phải là ngoại ngữ) đạt từ 8.5 trở lên (tính trung bình chung của 02 môn, làm tròn đến một chữ số thập phân);

- Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế còn giá trị sử dụng tính đến ngày nộp hồ sơ xét tuyển sau đây:

- **Tiếng Anh:** IELTS Academic từ 6.0 trở lên, hoặc TOEFL iBT từ 60 trở lên, hoặc PTE-A từ 46 điểm trở lên, hoặc các Chứng chỉ Cambridge English Qualifications từ 169 điểm trở lên.
- **Tiếng Pháp:** từ DELF-B1 trở lên hoặc TCF tout public (5 bài thi: nghe hiểu, cấu trúc ngữ pháp, đọc hiểu, viết, nói) đạt xếp loại chung từ B1 trở lên.
- **Tiếng Trung Quốc:** từ HSK 4 (mức điểm từ 260) trở lên.
- **Tiếng Hàn Quốc:** từ Topik 3 trở lên.
- **Tiếng Nhật Bản:** từ JLPT N3 trở lên.
- **Tiếng Đức:** Từ DSH 1; hoặc Goethe-Zertifikat B1; hoặc ÖSDZertifikat B1; hoặc TELC B1; hoặc DSD I B1 trở lên

Lưu ý:

- Nếu thí sinh có các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế không được liệt kê ở trên, Hội đồng tuyển sinh sẽ xem xét và quyết định.
- Học viện không chấp nhận các chứng chỉ có hình thức thi “home edition”.

2.2. Điểm xét tuyển

- Công thức tính điểm xét tuyển:

Điểm xét tuyển (tối đa bằng 30) = Tổng điểm đạt được + Điểm ưu tiên của Bộ GD&ĐT (nếu có)

Trong đó:

* Tổng điểm đạt được = M1 + M2 + M3 + Điểm khuyến khích của Học viện (nếu có)

- M1: Điểm quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế theo thang điểm 10 (chọn 01 chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế có điểm quy đổi cao nhất trong số các ngoại ngữ: Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Trung, Tiếng Nhật, Tiếng Hàn, Tiếng Đức (chi tiết xem Thông tin tuyển sinh của Học viện).

- M2: Điểm kết quả học tập THPT môn Toán hoặc môn Ngữ Văn.

- M3: Điểm kết quả học tập THPT 01 môn bất kỳ (không phải môn Ngoại ngữ và khác M2) có trong các tổ hợp của phương thức dựa trên Kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT của Học viện (Ngữ Văn, Toán, Vật lí, Hóa học, Lịch sử, Địa lí).

[Điểm M2 hoặc M3 = (Điểm TB cả năm lớp 10 + Điểm TB cả năm lớp 11 + Điểm TB cả năm lớp 12 của môn tương ứng)/3]

- Điểm khuyến khích theo quy định của Học viện: áp dụng cho các thí sinh đạt giải học sinh giỏi bậc THPT (chi tiết xem Bảng 2).

* Điểm ưu tiên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo: bao gồm điểm ưu tiên theo đối tượng và điểm ưu tiên theo khu vực, được xác định theo Quy chế tuyển sinh hiện hành. Chính sách ưu tiên khu vực chỉ áp dụng đối với thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2025 và 2026.

Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm đạt được từ 22,5 trở lên được xác định theo công thức:

Điểm ưu tiên = $[(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên theo quy định trong Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.}$

3. Phương thức 3: Xét tuyển kết hợp dựa trên Chứng chỉ đánh giá năng lực quốc tế và Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế (mã phương thức 415)

3.1. Đối tượng xét tuyển: Ngoài các điều kiện chung theo quy định, thí sinh cần đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

- Có một trong các chứng chỉ đánh giá năng lực quốc tế còn giá trị sử dụng tính đến ngày nộp hồ sơ xét tuyển: chứng chỉ SAT từ 1300 điểm trở lên; hoặc chứng chỉ ACT từ 29 điểm trở lên; hoặc chứng chỉ A-level của Trung tâm Khảo thí Đại học Cambridge (Vương quốc Anh) với từng môn đạt từ điểm D trở lên; hoặc bằng tú tài quốc tế IB Diploma với tổng điểm đạt từ 30 trở lên;

- Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế còn giá trị sử dụng tính đến ngày nộp hồ sơ xét tuyển sau đây:

- **Tiếng Anh:** IELTS Academic từ 6.0 trở lên, hoặc TOEFL iBT từ 60 trở lên, hoặc PTE-A từ 46 điểm trở lên, hoặc các Chứng chỉ Cambridge English Qualifications từ 169 điểm trở lên.
- **Tiếng Pháp:** từ DELF-B1 trở lên hoặc TCF tout public (5 bài thi: nghe hiểu, cấu trúc ngữ pháp, đọc hiểu, viết, nói) xếp loại chung từ B1 trở lên.
- **Tiếng Trung Quốc:** từ HSK 4 (mức điểm từ 260) trở lên.
- **Tiếng Hàn Quốc:** từ Topik 3 trở lên.
- **Tiếng Nhật Bản:** từ JLPT N3 trở lên.
- **Tiếng Đức:** Từ DSH 1; hoặc Goethe-Zertifikat B1; hoặc ÖSDZertifikat B1; hoặc TELC B1; hoặc DSD I B1 trở lên

Lưu ý:

- Nếu thí sinh có các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế không được liệt kê ở trên, Hội đồng tuyển sinh sẽ xem xét và quyết định.

- Học viện không chấp nhận các chứng chỉ có hình thức thi “home edition”.

3.2. Điểm xét tuyển

+ Đối với thí sinh sử dụng chứng chỉ SAT hoặc chứng chỉ ACT kết hợp chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế:

- Công thức tính điểm xét tuyển:

Điểm xét tuyển (tối đa bằng 30) = Tổng điểm đạt được + Điểm ưu tiên của Bộ GD&ĐT (nếu có)

Trong đó:

* Tổng điểm đạt được = M1 + M2 + Điểm khuyến khích của Học viện (nếu có)

- M1: Điểm quy đổi chứng chỉ đánh giá năng lực quốc tế SAT hoặc ACT theo

thang điểm 20 (chi tiết xem Thông tin tuyển sinh của Học viện).

- M2: Điểm quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế theo thang điểm 10 (chọn 01 chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế có điểm quy đổi cao nhất trong số các ngoại ngữ: Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Trung, Tiếng Nhật, Tiếng Hàn, Tiếng Đức (chi tiết xem Thông tin tuyển sinh của Học viện).

- Điểm khuyến khích theo quy định của Học viện: áp dụng cho các thí sinh đạt giải học sinh giỏi bậc THPT (chi tiết xem Bảng 2).

* Điểm ưu tiên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo: bao gồm điểm ưu tiên theo đối tượng và điểm ưu tiên theo khu vực, được xác định theo Quy chế tuyển sinh hiện hành. Chính sách ưu tiên khu vực chỉ áp dụng đối với thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2025 và 2026.

Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm đạt được từ 22,5 trở lên được xác định theo công thức:

Điểm ưu tiên = $[(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5]$ x Mức điểm ưu tiên theo quy định trong Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ *Đối với thí sinh sử dụng chứng chỉ A-Level hoặc bằng tú tài quốc tế IB Diploma kết hợp chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế:*

- Công thức tính điểm xét tuyển:

Điểm xét tuyển (tối đa bằng 30) = Tổng điểm đạt được + Điểm ưu tiên của Bộ GD&ĐT (nếu có)

Trong đó:

* Tổng điểm đạt được = M1 + M2 + M3 + Điểm khuyến khích của Học viện (nếu có)

- M1: Điểm quy đổi theo thang điểm 10 môn Toán hoặc môn Văn học trong chứng chỉ A-level hoặc bằng tú tài quốc tế IB Diploma (chi tiết xem Thông tin tuyển sinh của Học viện).

- M2: Điểm quy đổi theo thang điểm 10 của 01 môn bất kỳ (không phải môn Ngoại ngữ và khác M2) trong chứng chỉ A-level hoặc bằng tú tài quốc tế IB Diploma (chi tiết xem Thông tin tuyển sinh của Học viện).

- M3: Điểm quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế theo thang điểm 10 (chọn 01 chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế có điểm quy đổi cao nhất trong số các ngoại ngữ: Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Trung, Tiếng Nhật, Tiếng Hàn, Tiếng Đức (chi tiết xem Thông tin tuyển sinh của Học viện).

- Điểm khuyến khích theo quy định của Học viện: áp dụng cho các thí sinh đạt giải học sinh giỏi bậc THPT (chi tiết xem Bảng 2).

* Điểm ưu tiên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo: bao gồm điểm ưu tiên theo đối tượng và điểm ưu tiên theo khu vực, được xác định theo Quy chế tuyển sinh hiện hành. Chính sách ưu tiên khu vực chỉ áp dụng đối với thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2025 và 2026.

Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm đạt được từ 22,5 trở lên được xác định theo công thức:

Điểm ưu tiên = $[(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5]$ x Mức điểm ưu tiên theo quy định trong Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Phương thức 4: Xét tuyển dựa trên Kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 theo các tổ hợp môn (mã phương thức 100)

4.1. Đối tượng xét tuyển

Thí sinh cần tham dự Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức, và đáp ứng các điều kiện trong Thông tin tuyển sinh năm 2026 của Học viện.

* Đối với phương thức xét tuyển này Học viện không sử dụng kết quả điểm thi được bảo lưu từ các kỳ thi tốt nghiệp THPT, kỳ thi THPT quốc gia các năm trước để xét tuyển; không cộng điểm ưu tiên thí sinh có chứng chỉ nghề.

Bảng các tổ hợp xét tuyển vào các ngành theo phương thức thi tốt nghiệp THPT

Mã xét tuyển	Tên ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu dự kiến	Phương thức tuyển sinh	Tổ hợp môn xét tuyển theo phương thức thi tốt nghiệp THPT												
					A00	A01	C00	D01	D03	D04	DD2	D06	D07	D09	D10	D14	D15
HQT01	Quan hệ quốc tế	7310206	400	<i>- Phương thức 1:</i> Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT. <i>- Phương thức 2:</i> Xét tuyển kết hợp dựa trên Kết quả học tập THPT và Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế. <i>- Phương thức 3:</i> Xét tuyển kết hợp dựa trên Chứng chỉ đánh giá năng lực quốc tế và Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế. <i>- Phương thức 4:</i> Xét tuyển dựa trên Kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026.	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
HQT02	Ngôn ngữ Anh	7220201	200			✓		✓					✓	✓	✓	✓	✓
HQT03	Kinh tế quốc tế	7310106	260		✓	✓		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓		
HQT04	Luật quốc tế	7380108	200		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
HQT05	Truyền thông quốc tế	7320107	400		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
HQT06	Kinh doanh quốc tế	7340120	260		✓	✓		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓		
HQT07	Luật thương mại quốc tế	7380109	200		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
HQT08	Hàn Quốc học	7310614	80		✓	✓	✓	✓			✓		✓	✓	✓	✓	✓
HQT09	Hoa Kỳ học	7310640	40		✓	✓	✓	✓					✓	✓	✓	✓	✓
HQT10	Nhật Bản học	7310613	40		✓	✓	✓	✓				✓	✓	✓	✓	✓	✓
HQT11	Trung Quốc học	7310612	120		✓	✓	✓	✓		✓			✓	✓	✓	✓	✓
TỔNG			2200														

Trong đó:

Tổ hợp A00: Toán, Vật lí, Hóa học

Tổ hợp A01: Toán, Vật lí, Tiếng Anh

Tổ hợp C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí

Tổ hợp D01: Ngữ Văn, Toán, Tiếng Anh

Tổ hợp D03: Ngữ Văn, Toán, Tiếng Pháp

Tổ hợp D04: Ngữ Văn, Toán, Tiếng Trung

Tổ hợp D06: Ngữ Văn, Toán, Tiếng Nhật

Tổ hợp DD2: Ngữ Văn, Toán, Tiếng Hàn

Tổ hợp D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh

Tổ hợp D09: Toán, Lịch sử, Tiếng Anh

Tổ hợp D10: Toán, Địa lí, Tiếng Anh

Tổ hợp D14: Ngữ Văn, Lịch sử, Tiếng Anh

Tổ hợp D15: Ngữ Văn, Địa lí, Tiếng Anh

*(*Lưu ý: các tổ hợp xét tuyển có thể thay đổi theo năm tuyển sinh)*

4.2. Điểm xét tuyển

- Công thức tính điểm xét tuyển:

Điểm xét tuyển (tối đa bằng 30) = Tổng điểm đạt được + Điểm ưu tiên của Bộ GD&ĐT (nếu có)

Trong đó:

* Tổng điểm đạt được = M1 + M2 + M3 + Điểm khuyến khích của Học viện (nếu có)

- M1, M2, M3: điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT năm 2026 theo tổ hợp xét tuyển của Học viện.

Lưu ý: Đối với các tổ hợp xét tuyển có môn Ngoại ngữ, điểm môn Ngoại ngữ của thí sinh khi xét tuyển vào Học viện theo phương thức này có thể được xét theo 1 trong 2 cách:

(1) Sử dụng điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026 môn Ngoại ngữ tương ứng trong tổ hợp xét tuyển theo quy định của Học viện; hoặc:

(2) Thay thế điểm thi môn Ngoại ngữ trong tổ hợp bằng điểm quy đổi từ Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế theo quy định của Học viện (chi tiết xem Thông tin tuyển sinh của Học viện).

Học viện chấp nhận chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế không trùng với ngoại ngữ trong tổ hợp gốc. Ví dụ: Thí sinh có thể dùng chứng chỉ tiếng Hàn Topik để quy đổi điểm ngoại ngữ thay thế cho môn Tiếng Anh trong tổ hợp D01, D09,

Thí sinh cần nộp chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế về Học viện theo hướng dẫn. Khi xét tuyển, hệ thống sẽ tự động đối chiếu và lựa chọn phương án điểm có lợi hơn cho thí sinh.

- Điểm khuyến khích theo quy định của Học viện: áp dụng cho các thí sinh đạt giải học sinh giỏi bậc THPT (chi tiết xem Bảng 2).

* Điểm ưu tiên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo: bao gồm điểm ưu tiên theo đối tượng và điểm ưu tiên theo khu vực, được xác định theo Quy chế tuyển sinh hiện hành. Chính sách ưu tiên khu vực chỉ áp dụng đối với thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2025 và 2026.

Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm đạt được từ 22,5 trở lên được xác định theo công thức:

Điểm ưu tiên = $[(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên theo quy định trong Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.}$

III. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

- **Ngưỡng đầu vào:** Học viện sẽ công bố ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT theo kế hoạch chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo,

- Điểm trúng tuyển

+ Điểm trúng tuyển của tất cả các phương thức xét tuyển được quy về thang điểm 30 và làm tròn đến hai chữ số thập phân. Trong đó, điểm cộng (nếu có) bao gồm điểm khuyến khích của Học viện và điểm ưu tiên của Bộ GD&ĐT không quá 03 điểm và tổng điểm xét tuyển không quá 30 điểm.

+ Học viện sẽ thực hiện quy đổi tương đương điểm trúng tuyển giữa các phương thức, các tổ hợp xét tuyển theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT. Thời gian Học viện công bố quy tắc quy đổi tương đương theo kế hoạch chung của Bộ GD&ĐT, muộn nhất cùng thời gian công bố ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào.

- Nguyên tắc xét tuyển

+ Xét tuyển theo ngành đào tạo, theo nguyên tắc lấy điểm xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến đủ chỉ tiêu. Thí sinh được xét bình đẳng theo điểm xét tuyển, không phân biệt thứ tự của nguyện vọng đăng ký, trừ trường hợp các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách thì Học viện sử dụng tiêu chí phụ để xét tuyển. Thí sinh chỉ được trúng tuyển vào nguyện vọng cao nhất trong danh sách các nguyện vọng đã đăng ký;

+ Thí sinh có thể đăng ký xét tuyển theo các phương thức khác nhau nếu đáp ứng đầy đủ các tiêu chí theo quy định;

+ Thí sinh được đăng ký tối đa 15 nguyện vọng vào các chương trình đào tạo của các cơ sở đào tạo khác nhau và phải sắp xếp nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất).

IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ

Phòng Đào tạo Đại học, Học viện Ngoại giao, Số 69, Phố Chùa Láng, Phường Láng, Hà Nội.

- Hotline: 0943.482.840 hoặc 0936.018.433
- Email: tuyensinh2026@dav.edu.vn
- Website: <https://www.dav.edu.vn>
- Fanpage: Tư vấn Tuyển sinh Học viện Ngoại giao.

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2026

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

GIÁM ĐỐC



TS. Nguyễn Hùng Sơn

PHỤ LỤC

Bảng 1: Các ngành đào tạo và dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh

Mã xét tuyển	Tên ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu
HQT01	Quan hệ quốc tế	7310206	400
HQT02	Ngôn ngữ Anh	7220201	200
HQT03	Kinh tế quốc tế	7310106	260
HQT04	Luật quốc tế	7380108	200
HQT05	Truyền thông quốc tế	7320107	400
HQT06	Kinh doanh quốc tế	7340120	260
HQT07	Luật thương mại quốc tế	7380109	200
HQT08	Hàn Quốc học	7310614	80
HQT09	Hoa Kỳ học	7310640	40
HQT10	Nhật Bản học	7310613	40
HQT11	Trung Quốc học	7310612	120

Bảng 2: Bảng điểm cộng khuyến khích

Thí sinh được cộng điểm khuyến khích theo quy định của Học viện nếu đạt giải trong các kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp THPT, cụ thể như sau:

Quy định chung:

- Thí sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế hoặc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức, cử tham gia thuộc đối tượng xét tuyển theo phương thức Xét tuyển thẳng và Ưu tiên xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, không thuộc đối tượng nhận điểm khuyến khích ở mục này;
- Chỉ áp dụng với giải các môn thuộc tổ hợp xét tuyển của Học viện (Toán, Vật Lí, Hóa học, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Trung, Tiếng Nhật, Tiếng Hàn) và môn Tin học;
- Thời gian đoạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm xét tuyển;
- Trường hợp đoạt nhiều giải, thí sinh chỉ được hưởng một mức điểm cộng khuyến khích cao nhất;
- Không chấp nhận giải học sinh giỏi ngoại ngữ được quy đổi từ chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế.

STT	Đối tượng/Thành tích	Điểm khuyến khích
1	Đạt giải Khuyến khích/ Giải Tư trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia hoặc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức (Nội dung đề tài dự thi của thí sinh được Hội đồng tuyển sinh đánh giá là phù hợp).	0.8
2	Đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố, hoặc các kỳ thi học sinh giỏi do các đơn vị sau tổ chức và cấp giấy chứng nhận hợp lệ: Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh, Đại học Huế, Đại học Sư phạm Hà Nội, Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh, Đại học Vinh; Trường phổ thông Vùng cao Việt Bắc.	
	Giải Nhất	0.6
	Giải Nhì	0.4
	Giải Ba	0.2